

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15-8-2025

“V/v Ly hôn giữa chị N và anh P”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Huỳnh Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Nay là: Ấp N, xã Đ, tỉnh An Giang). (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Đỗ Chí P**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Nay là: Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị Kim N trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị Kim N (gọi tắt là chị N) và anh Đỗ Chí P (gọi tắt là anh P) chung sống với nhau vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám

cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/01/2020 theo quy định.

Sau một thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chị N cho rằng do anh P thiếu tôn trọng và có những lời lẽ xúc phạm chị N sau đó giữa vợ chồng luôn xảy ra cự cãi, cha mẹ chồng và con dâu bất hoà, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Trong cuộc sống vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và bản thân chị N nhận thấy mình không còn tình cảm với chồng, hiện vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm cuộc sống hôn nhân không thể tiếp diễn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có ba người con chung tên Đỗ Thị Phương A, sinh ngày 02/10/2017 (bị tàn tật) hiện đang sống với mẹ, các cháu Đỗ Chí A1, sinh ngày 14/3/2019 và Đỗ Chí T, sinh ngày 29/7/2021 hiện đang sống với cha. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi cháu Đỗ Thị Phương A và giao các cháu Đỗ Chí A1 và cháu Đỗ Chí T cho anh P tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Đỗ Chí P có ý kiến trình bày như sau:

Anh P thống nhất với ý kiến của chị N về thời gian vợ chồng chung sống vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh P xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn và những mâu thuẫn mà chị N trình bày là không đúng vì trong thời gian sống chung anh P hết mực yêu thương chăm lo cho gia đình vợ con, mặc dù chị N không thể hiện sự tôn trọng đối với cha mẹ chồng nhưng vì thương vợ anh P cũng sẵn sàng bỏ qua và mong muốn vợ chồng chung sống để cùng lo cho con cái. Tuy nhiên, từ năm 2023 đến nay chị N tự bỏ nhà đi và sau đó nói không còn tình cảm với anh P nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh P nhiều lần đến gia đình vợ để tìm cách hàn gắn nhưng chị N không đồng ý và không cho anh cơ hội để hàn gắn. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị N anh P không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ về lo cho các con.

Về con chung, anh P thống nhất với lời trình bày của chị N về con chung của vợ chồng. Trường hợp Tòa án cho vợ chồng ly hôn anh P đồng ý nuôi các con Đỗ Chí A1 và cháu Đỗ Chí T và giao cho chị N nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Phương A, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung, anh P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Đỗ Chí A1 có nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Về hôn nhân chị N yêu cầu được ly hôn, anh P không thống nhất ly hôn. Về con chung anh chị xác định vợ chồng có ba người con chung, chị N và anh P thống nhất trường hợp ly hôn chị N nuôi cháu Đỗ Thị Phương A và anh P nuôi các cháu Đỗ Chí A1 và cháu Đỗ Chí T và vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy căn cước công dân (Bản sao), giấy khai sinh của con chung vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Nhận định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Không có kiến nghị phản tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn với anh P; về con chung đề nghị giao cháu Đỗ Thị Phương A cho chị N nuôi dưỡng và giao các cháu Đỗ Chí A1 và cháu Đỗ Chí T cho anh P nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn, ghi nhận ý kiến vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Đông Thái, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

Về quan hệ pháp luật: Chị N yêu cầu ly hôn với anh P và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1 Về hôn nhân: Chị N và anh P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang cũ theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định sau một thời gian chung sống hôn nhân của chị N và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra cự cãi bất hoà, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, anh P nhiều lần tìm cách để níu kéo hôn nhân nhưng chị N không chấp nhận, trong quá trình giải quyết vụ án chị N đều thể hiện không còn tình cảm với chồng và không muốn tiếp tục đời sống hôn nhân với anh P và kết quả hoà giải đoàn tụ không thể hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị N, giải quyết cho chị N ly hôn với anh P.

2.2 Về con chung: Chị N và anh P có ba người con chung là Đỗ Thị Phương A, sinh ngày 02/10/2017 (bị tàn tật), Đỗ Chí A1, sinh ngày 14/3/2019 và Đỗ Chí T, sinh ngày 29/7/2021. Từ khi vợ chồng ly thân cháu Đỗ Thị Phương A sống với mẹ và hai cháu Đỗ Chí A1 và Đỗ Chí T sống với cha. Qua xem xét các điều kiện về cuộc sống sinh hoạt, thu nhập của vợ chồng và nguyện vọng của anh chị và các con chung, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc giao cháu Đỗ Thị Phương A cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và giao các cháu Đỗ Chí

A1 và cháu Đỗ Chí T cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý kiến của chị N và anh P về việc vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau sau khi ly hôn.

Chị N và anh P có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị N và anh P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị N là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Đỗ Chí P.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kim N và anh Đỗ Chí P về việc tiếp tục giao cháu Đỗ Thị Phương A, sinh ngày 02/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Kim N nuôi dưỡng và giao các cháu Đỗ Chí A1, sinh ngày 14/3/2019 và

cháu Đỗ Chí T, sinh ngày 29/7/2021 cho anh Đỗ Chí P tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Nguyễn Thị Kim N và anh Đỗ Chí P ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị Kim N và anh Đỗ Chí P về việc anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau sau khi vợ chồng ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Đỗ Chí P xác định không có tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 41 (ký hiệu: BLTU/25) ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 7- An Giang). Chị Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự" ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 7- An Giang;
- Các đương sự;

(Đã ký)

- UBND xã Đông Thái ;
- Lưu, HS, VP.

Đinh Thị Thơm